

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Thanh Long.

Ông Đào Kim Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thái Chân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Hiệp 1, xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Chiêm Ngọc M. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Hiệp 1, xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

2. Bà Đinh T1. (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã TT: Ông Trần Việt Triều - Là đại diện theo ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2022.

Địa chỉ: ấp Mỹ Hiệp 1, xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 được hai bên gia đình chấp thuận và tiến tới hôn nhân vào năm 1979, có tổ chức đám cưới tại gia đình. Ông T và bà Thanh có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới ông T và bà Thanh chung sống hạnh phúc, đến năm 2008, ông T và bà Thanh phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Khi đó ông T không có nộ đơn khởi kiện ly hôn với bà Thanh tại Tòa án.

Đến năm 2010 ông T tiến tới hôn nhân với bà Chiêm Ngọc M, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, ông T và bà M đã không còn sống chung.

Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T với bà Chiêm Ngọc M và yêu cầu được ly hôn với bà Đinh T1.

Về con chung:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 có 02 con chung tên: Nguyễn Đức N, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị B, sinh năm 1983.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M có một con chung tên Nguyễn Hoàng Nhu, sinh năm 1990.

Các con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung và các lời khai ban đầu.

Bị đơn bà Chiêm Ngọc M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như ông T đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống bà M và ông T tính cách

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, bà M và ông T đã không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà M đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đinh T1 trình bày: Bà Th và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào cuối năm 1979. Có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương. Bà Th và ông T sống chung từ lúc đám cưới cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, vào năm 2008 bà Th và ông T không có làm thủ tục ly hôn tại Tòa án theo quy định. Trong thời kỳ hôn nhân với bà Th, ông T và bà Chiêm Ngọc M sống chung như vợ chồng nhưng bà Th vẫn tha thứ. Việc ông T đăng ký kết hôn với bà Chiêm Ngọc M thì bà Th không hề hay biết, cho đến lúc ông T nộp đơn ly hôn với bà M thì bà Th mới biết. Việc ông T yêu cầu ly hôn với bà M thì bà Th không có ý kiến. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Th thì bà Th đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: ông T và bà Th có 02 con chung tên Nguyễn Đức N, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị B, sinh năm 1983. Các con đều đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Th vẫn giữ nguyên các ý kiến ban đầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang có đại diện hợp pháp là ông Trần Việt Triều trình bày:

Vào năm 2010 Ủy ban nhân dân xã TT thành phố Vị Thanh có tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M, sau đó Ủy ban nhân dân xã TT đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho ông T và bà M theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, ngày 18/01/2010.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 đã tổ chức đám cưới vào năm 1979 theo phong tục tập quán địa phương và chung sống cho đến nay. Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 vẫn là vợ chồng hợp pháp vì ông T và bà Th chưa làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Vào năm 2010 do cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xã không xác nhận kỹ tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 nên mới cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M vào ngày 18/01/2010.

Việc đăng ký kết hôn giữa ông T và bà M là không đúng quy định của pháp luật. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã TT ông Trần Việt Triều trình bày: Vào ngày 18/01/2010, Ủy ban nhân dân xã TT có cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển 01 cho ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M. Tuy nhiên, qua rà soát thì trong sổ hộ tịch quyển số 01 năm 2010 không thể hiện thông tin đăng ký kết hôn của ông T và bà M. Việc Ủy ban nhân dân xã TT đăng ký kết hôn cho ông T và bà M là không đúng quy định của pháp luật vì tại thời điểm ông T và bà M đăng ký kết hôn thì ông T chưa ly hôn với bà Đinh T1. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tại phiên tòa phát biểu:

Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ lúc thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Chiêm Ngọc M, sau đó khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy quan hệ hôn nhân trái pháp luật với giữa ông T với bà M và yêu cầu được ly hôn với bà Đinh T1. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1.

Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh T1 tiến tới hôn nhân và có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét thấy, mặc dù ông T và bà Thanh không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, cùng chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình,

theo quy định điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 và khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 được xác lập vào năm 1979 và là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn T và Chiêm Ngọc M.

Ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, tại thời điểm ông T và bà M đăng ký kết hôn thì ông T và bà Đinh T1 chưa tiến hành thủ tục ly hôn theo quy định. Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã TT cũng xác định việc Ủy ban nhân dân xã TT đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M là không đúng quy định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định việc kết hôn bị cấm trong những trường hợp sau đây “*Người đang có vợ hoặc có chồng*” cho nên việc kết hôn giữa ông T và bà M là trái pháp luật. Vì vậy, Tòa án hủy quan hệ hôn nhân trái pháp luật giữa ông T và bà M.

[4] Về yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Văn T với bà Đinh T1.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà T1 thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T và bà T1 đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Văn T với bà Đinh T1.

[5] Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong cùng vụ án.

[7] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các điều 5, 8, 11, 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Hủy việc kết trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn T và bà Chiêm Ngọc M theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 18/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đinh T1.

4. Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét trong cùng vụ án.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/8/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã TT, TP Vị Thanh, tỉnh HG;
- UBND phường V, TP Vị Thanh, tỉnh HG
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Thị Trinh

